|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| 1. Nhưng giá trị trong lý luận, tư tưởng Hồ Chí Minh phục vụ cho mục đích, giá trị nào? | |
| 1.Liệu rằng tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ là một số lý luận phục vụ cho lợi ích của Đảng Cộng Sản? | Những luận điểm trong tư tưởng Hồ Chí Minh không đơn thuần “vì lợi ích của Đảng”, của “hệ tư tưởng” mà không vì lợi ích của dân tộc, vì lợi ích của nhân dân. Bởi vì Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta được nhân dân tin theo, ủng hộ để làm nên những chiến thắng vĩ đại. Nếu không vì lợi ích của quốc gia, dân tộc, không vì cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân thì Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh càng không thể đưa đất nước Việt Nam từ một nước bị thực dân và đế quốc xâm chiếm, từ một dân tộc bị nô lệ, trở thành một quốc gia độc lập, thống nhất, có đầy đủ chủ quyền được quốc tế thừa nhận.  Theo Hồ Chí Minh, độc lập phải đảm bảo cho mọi người dân cơm no, áo ấm, hạnh phúc. Ước mơ, hoài bão, lý tưởng và ham muốn tột bậc của Người là đấu tranh cho dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết, là nền tảng để đi lên CNXH. Khát vọng độc lập dân tộc đã hun đúc thành chủ nghĩa dân tộc chân chính của dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta xem đó là động lực to lớn của đất nước. Sức mạnh của yếu tố dân tộc không chỉ là sức mạnh tự có mà còn phụ thuộc vào sự kết hợp với CNXH. Vì thế, suốt cuộc đời hoạt động của mình, Người luôn phấn đấu cho hoài bão, lý tưởng ấy. Sự kết hợp giữa độc lập dân tộc với CNXH có ý nghĩa quyết định thành công của cách mạng Việt Nam. CNXH là mục tiêu hướng tới, là cơ sở đảm bảo cho sự vững chắc của độc lập dân tộc. Theo đó, sau khi giành được độc lập, cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng XHCN thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Bởi lẽ có tiến lên CNXH thì nhân dân mới ngày càng ấm no, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh. |
| 2. Những luận điểm trong tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ để phục vụ cho lợi ích dân tộc? | Trả lời nhà báo quốc tế vào tháng 12-1965 của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nói rằng lúc còn thanh niên, tôi theo “chủ nghĩa dân tộc”, có lẽ không đúng. Vì hồi đó tôi chỉ biết thương đồng bào tôi, chứ chưa biết “chủ nghĩa” gì cả. Khi đi sang châu Phi, tôi thấy nhân dân thuộc địa ở đây cũng cực khổ, cũng bị áp bức, bóc lột như nhân dân Đông Dương. Khi sang các nước châu Âu, tôi thấy ở đó cũng có một số người rất giàu, “ngồi mát ăn bát vàng”, và lớp người nhân dân lao động rất nghèo khổ. Tôi suy nghĩ nhiều lắm. Trong lúc đó thì Cách mạng Tháng Mười vĩ đại thành công ở Nga. Lênin tổ chức Quốc tế Cộng sản. Rồi Lênin phát biểu Luận cương cách mạng thuộc địa. Những việc đó làm cho tôi thấy rằng: Nhân dân lao động Đông Dương, nhân dân các thuộc địa và nhân dân lao động muốn tự giải phóng thì phải đoàn kết lại và làm cách mạng. Vì vậy, tôi trở nên người theo Chủ nghĩa Mác-Lênin”.  Hồ Chí Minh là người kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc tư sản; vì vậy, tán thành bản Tuyên bố của Hội nghị đại biểu các Đảng cộng sản và công nhân các nước XHCN, họp ở Moscow từ ngày 14 đến 16-11-1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Bản Tuyên bố nhắc nhở chúng ta cần phải tăng cường giáo dục theo tinh thần Chủ nghĩa Mác-Lênin và đấu tranh chống những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa như chủ nghĩa dân tộc tư sản, chủ nghĩa sôvanh, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa xét lại, đặc biệt là chủ nghĩa xét lại”. |
| 3. Các yếu tố khẳng định Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng? | Lênin cho rằng: một người “chỉ xứng đáng với danh hiệu “nhà tư tưởng” khi nào họ đi trước phong trào tự phát, chỉ đường cho nó, khi nào họ biết giải quyết trước người khác tất cả các vấn đề lý luận, chính trị, sách lược và các vấn đề về tổ chức mà “những yếu tố vật chất” của phong trào húc phải một cách tự phát”.      Cũng theo Lênin: chỉ xứng đáng được gọi là nhà tư tưởng khi người đó “có được chuẩn bị đầy đủ về mặt lý luận”; “có được một tầm mắt chính trị bao quát, một nghị lực cách mạng, một tài ba tổ chức để có thể sáng lập một chính đảng chiến đấu trên cơ sở một phong trào mới”.      Như vậy, theo Lênin, chỉ xứng đáng là nhà tư tưởng khi đáp ứng đủ 4 điều kiện: Có sự chuẩn bị về mặt lý luận, có khả năng đi trước, dự báo, chỉ đường cho phong trào quần chúng; có được tầm mắt chính trị rộng lớn để giải quyết thành công mọi vấn đề sách lược, chiến lược của cách mạng (chiến lược là mục tiêu, nhiệm vụ lâu dài; sách lược là nhiệm vụ trong từng giai đoạn cụ thể); có tài ba về mặt tổ chức để có thể sáng lập một chính đảng cách mạng có sức chiến đấu mạnh mẽ; phải có một nghị lực phi thường để vượt qua mọi trở lực, khó khăn để thực hiện tư tưởng của mình.      Xét cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh thì Người hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu nhà tư tưởng theo những tiêu chí mà Lênin đưa ra.      Một là: Hồ Chí Minh có sự chuẩn bị về mặt lý luận:      Vào những năm đầu của thế kỉ XX, Hồ Chí Minh xuất hiện trong lịch sử cách mạng Việt Nam hiện đại như là một nhà lý luận tiên phong, người đầu tiên đề xuất con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, từ đó chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối, mở ra một thời kì mới, thời kì đấu tranh và giành thắng lợi của cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.      Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản đều thất bại. Nguyên nhân của sự thất bại đó là thiếu đường lối, tức là khủng hoảng về lý luận.      Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước tức là đi tìm một học thuyết có khả năng dẫn dắt cuộc đấu tranh của dân tộc đi tới mục tiêu đất nước độc lập, nhân dân hạnh phúc. Khi gặp luận cương của Lênin cũng là lúc Người bừng sáng về lý luận. Thấm nhuần lời dạy của Lênin “không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách  mạng”, Hồ Chí Minh đã vừa hoạt động thực tiễn vừa từng bước nâng cao trình độ lý luận. Người đã nghiên cứu lý luận Mác-Lênin trong trường đại học phương Đông; ở Quốc tế cộng sản; sau đó vào làm nghiên cứu sinh tại viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế cộng sản. Người còn dịch rất nhiều tác phẩm lý luận ra tiếng Việt để truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào nước ta.      Có kiến thức lý luận nhưng không biết vận dụng vào thực tiễn thì cũng không thể trở thành nhà lý luận. Nhờ nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và vận dụng nó một cách sáng tạo vào điều kiện thực tế của Việt Nam và các nước thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc đã sớm viết nên những tác phẩm lý luận nổi tiếng như: Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường cách mệnh, đặc biệt là Chính cương, Sách lược vắn tắt và các văn kiện do Người khởi thảo tại hội nghị hợp nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 đã đánh dấu sự hình thành hoàn chỉnh tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản: giành độc lập để đi tới chủ nghĩa xã hội.       Qua các giai đoạn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn nắm vững quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và vận dụng sáng tạo vào Việt Nam, bổ sung và phát triển vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.      Như vậy, Hồ Chí Minh đã tiếp thu tinh hoa văn hóa của dân tộc, nhân loại và đặc biệt là của chủ nghĩa Mác-Lênin để có sự chuẩn bị rất sâu sắc về mặt lý luận, tư tưởng, làm kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn.      Hai là: Hồ Chí Minh là người có tầm nhìn chiến lược, bao quát thời đại:      Để trở thành nhà lý luận tiên phong có tầm nhìn chiến lược, Hồ Chí Minh đã hội tụ đủ ba loại vốn cơ bản: vốn trí tuệ siêu việt, vốn văn hóa rộng lớn và vốn sống thực tế vô cùng phong phú.      Về trí tuệ, Hồ Chí Minh đã được thừa hưởng của cha ông một trí thông minh xuất chúng, được bộc lộ từ nhỏ trong học tập, ứng xử và đối đáp thơ văn. Trí thông minh đó đã tạo nên ở người thanh niên Nguyễn Tất Thành một đầu óc quan sát, phân tích, phê phán rất tinh tường, một tinh thần hoài nghi để khám phá, một bản lĩnh độc lập, tự chủ trong tư duy.      Người đã sáng suốt nhận ra hạn chế của con đường mà các bậc tiền bối đã đi, Người từ chối con đường sang phương Đông, một mình đi sang phương Tây không phải tư cách là thân sĩ, trí thức mà là người lao động. Trong quá trình hoạt động ở nước ngoài, trí tuệ của Người đã có điều kiện rèn luyện và phát triển: Người biết nhiều ngoại ngữ, chinh phục tất cả mọi người bằng sự tỏa sáng của trí tuệ.       Hồ Chí Minh đã trau dồi cho mình một vốn học thức, vốn văn hóa - lịch sử sâu rộng.      Hồ Chí Minh được thừa nhận là nhà lý luận tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới bởi Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã tìm ra con đường thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản: là con đường kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, hơn nữa còn là người đầu tiên vượt lên trước những nhà lý luận cùng thời, đưa ra luận điểm: cách mạng giải phóng dân tộc có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và bằng thắng lợi đó giúp cho những người anh em phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn!      Như vậy: tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh là kết quả của sự nắm vững và vận dụng sáng tạo lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời trên cơ sở một vốn văn hóa Đông Tây sâu sắc, một tri thức lịch sử và thực tiễn rộng lớn. Người đã kiên trì học tập và từng bước vươn lên đỉnh cao của trí tuệ thời đại để có được tầm nhìn xa, trông rộng như vậy.      Hồ Chí Minh có một vốn sống thực tiễn cực kì phong phú.      Người ra đi tìm đường cứu nước đã vượt qua ba đại dương, bốn châu lục, đặt chân lên khoảng 30 nước. Người đã hòa mình vào cuộc sống của những người lao động nghèo khổ, của công nhân và của những người dân thuộc địa trên khắp thế giới, vì vậy Người đã thấu hiểu và có vốn thực tiễn phong phú để đấu tranh đem lại tự do, hòa bình, bác ái thực sự cho họ…      Khác với các nhà lý luận “bàn giấy” nhà lý luận Hồ Chí Minh đã hòa mình vào thực tiễn phong trào đấu tranh của thời đại, chiến đấu với tâm hồn và nghị lực của một chiến sĩ. Lý luận tiên phong của Hồ Chí Minh ra đời từ đó và con đường cách mạng của dân tộc Việt Nam - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội cũng hình thành từ đó.      Ba là: Hồ Chí Minh là một thiên tài về tổ chức:      Người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, là đảng của giai cấp công nhân ở một nước thuộc địa nghèo nàn, lạc hậu. Khi đó giai cấp công nhân chiếm chưa đầy 2% dân số. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chính là một sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh. Đó là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước.       Người đã chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức để đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến thắng lợi. Người đã thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất (Mặt trận Việt Minh) để đoàn kết được toàn dân tộc thành một khối tạo nên sức mạnh tổng hợp, đánh thắng kẻ thù.       Bốn là: Hồ Chí Minh là một người có nghị lực phi thường:       Được thể hiện trong suốt quá trình hoạt động cách mạng và lãnh đạo nhân dân Việt Nam chiến đấu chống ngoại xâm và xây dựng Tổ quốc. Một thanh niên 21 tuổi thời ấy dám một mình ra đi tìm con đường cứu nước, giải phóng cho dân tộc chỉ với hai bàn tay trắng đơn thương độc mã.       Trên con đường ấy, Người gặp biết bao khó khăn mà không bao giờ nản chí. Phải làm rất nhiều nghề để sống, phải luôn tránh sự truy lùng của mật thám, viết bản yêu sách 8 điểm - tiếng nói của thanh niên yêu nước ở thuộc địa, nhiều lần bị bắt vào tù; nhận án tử hình, sự hiểu lầm của Quốc tế cộng sản…trong bất kì hoàn cảnh nào, Người cũng luôn giữ được ý chí sắt đá đó, vượt qua khó khăn để hướng về dân tộc, tìm con đường cứu nước cho dân tộc.       Khi đã tìm được con đường cứu nước, con đường cách mạng vô sản, trở về trong lòng dân tộc, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, con đường cách mạng mà dân tộc ta thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, Bác vẫn bình tĩnh chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam qua cơn sóng gió, qua những tình thế ngàn cân treo sợi tóc, lãnh đạo nhân dân chống lại các đế quốc thực dân mà các nước khác cũng phải nể sợ.       Như vậy có thể thấy, xét theo các tiêu chí mà Lênin đề ra về một nhà tư tưởng thì Hồ Chí Minh hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu đó. Hoàn cảnh đất nước, thời đại và những tố chất cá nhân hiếm có ở Hồ Chí Minh đã tạo nên một nhà tư tưởng lỗi lạc của dân tộc Việt Nam./. |
| 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh liệu có phải chỉ là sự chắp vá cơ học tư tưởng văn hóa phương Tây với tư tưởng văn hóa phương Đông, không có gì sáng tạo, mới mẻ, độc đáo và không có tính nguyên lý, quy luật ở trong đó? | Cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh là cả một quá trình tìm tòi, xây dựng, phát triển, hoàn thiện lý luận cách mạng cho dân tộc Việt Nam và bổ sung vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự chuẩn bị đó của Hồ Chí Minh trong bối cảnh cách mạng Việt Nam khủng hoảng đường lối cứu nước vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Sau khi tìm ra lý luận giải phóng dân tộc vào tháng 7 năm 1920 đi theo con đường cách mạng vô sản dưới ánh sáng dẫn đường của chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó, Hồ Chí Minh luôn tích cực, chủ động và chuẩn bị kỹ càng tri thức lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin. Cụ thể, Hồ Chí Minh theo học tại trường Đại học Phương Đông (1923-1924), trường Quốc tế Lênin dành cho cán bộ cao cấp của các đảng anh em (1934-1935), Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản (1936-1938)… Trên nền tảng tri thức lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã viết những tác phẩm lý luận sắc bén như: Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường cách mệnh, Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt của Đảng… Trong những tác phẩm kinh điển đó Hồ Chí Minh đã xây dựng cẩm nang lý luận giải phóng dân tộc dẫn lối dân tộc Việt Nam để đánh đổ chế độ thực dân phong kiến. Sự chuẩn bị kỹ càng về mặt lý luận còn được thể hiện ở chỗ Hồ Chí Minh chủ động xây dựng lý luận về chế độ xã hội mới đó là chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện là một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa trải qua trình độ phát triển của chủ nghĩa tư bản.  Mặt khác năng lực tổng kết thực tiễn, khả năng dự báo chính xác và chỉ ra được xu hướng vận động phát triển của cách mạng hội tụ trong con người Hồ Chí Minh là một phẩm chất không thể thiếu của nhà tư tưởng. Có thể thấy, thời đại Hồ Chí Minh sống thế giới có nhiều biến đổi to lớn như sự xuất hiện của chủ nghĩa đế quốc và hình thành nên hệ thống các nước thuộc địa cùng với đó là thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra bước phát triển mới của lịch sử nhân loại. Trên hành trình cứu nước đi tìm lời giải cho bài toán độc lập cho dân tộc Việt Nam Hồ Chí Minh đã nắm bắt chính xác đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại, từ đó lựa chọn đúng đắn con đường giải phóng dân tộc cho cách mạng Việt Nam. Bằng năng lực tổng kết thực tiễn, phân tích các sự kiện trong và ngoài nước, Hồ Chí Minh đã dự báo chuẩn xác về xu hướng phát triển của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Cụ thể, năm 1924 trong bài “Đông Dương và Thái Bình Dương” Hồ Chí Minh đã dự báo về nguy cơ chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ: “Thế nào rồi cũng có ngày nước Nga cách mạng phải đọ sức với chủ nghĩa tư bản đó”; “Vì đã trở thành một trung tâm mà bọn đế quốc tham lam đều hướng cả vào nhòm ngó, nên Thái Bình Dương và các nước thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới mà giai cấp vô sản sẽ phải nai lưng ra gánh”. Năm 1941, Người đã viết tập diễn ca “Lịch sử nước ta” ở câu kết, Người khẳng định: “Việt Nam độc lập - 1945”. Trong bài viết trên Báo Việt Nam độc lập, số 114, ngày 1/1/1942, Người đã đưa ra dự báo về thời cơ để tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền: “Ta có thể quyết đoán rằng, Nga nhất định thắng, Đức nhất định bại. Anh - Mỹ sẽ được, Nhật Bản sẽ thua. Đó là một dịp rất tốt cho dân ta khởi nghĩa đánh đuổi Pháp, Nhật, làm cho Tổ quốc ta được độc lập, tự do”… Những dự báo chuẩn xác này của Hồ Chí Minh có ý nghĩa rất lớn đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam.   Chủ tịch Hồ Chí Minh tin và đi theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin nhưng thấu hiểu đặc tính “mở” của hệ thống lý luận ấy, Người không tiếp thu theo lối giáo điều, sách vở, không bị trói buộc trong cái “vỏ” ngôn từ mà nắm lấy “cái thần”, cái “linh hồn sống” của chủ nghĩa Mác - Lênin là phép duy vật biện chứng. Nắm vững nguyên tắc thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người nhận thức rõ sự khác biệt giữa xã hội Việt Nam và xã hội phương Tây nên đã khẳng định: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”. Sau này, Người nói rõ hơn: “Học chủ nghĩa Mác - Lênin không phải nhắc như con vẹt “Vô sản thế giới liên hiệp lại” mà phải thống nhất chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Nói đến chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam là nói đến chủ trương, chính sách của Đảng... Chủ nghĩa Mác - Lênin không phải ở đâu người ta cũng làm cộng sản, cũng làm Xôviết”.            Chủ tịch Hồ Chí Minh ít khi nói đến các khái niệm, phạm trù hay quy luật của triết học Mác - Lênin, nhưng Người vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách rất linh hoạt và từ chính thực tiễn đó, Người rút ra nhiều kết luận mang tầm chân lý nhưng lại rất dễ hiểu để bổ sung, làm giàu cho chủ nghĩa Mác - Lênin. Với tư duy sáng tạo, Người đã phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên một loạt vấn đề căn cốt của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng giải phóng dân tộc cho đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bằng cách đó, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành dòng chảy tiếp nối chủ nghĩa Mác - Lênin trong một thời đại mới và không gian mới. Sự vận dụng, phát triển sáng tạo của Người đã làm cho học thuyết Mác - Lênin được “Việt Nam hóa”, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam. Người cũng giúp dân tộc ta thoát khỏi tâm lý thụ động để phát huy truyền thống tự lực, tự cường và nhờ đó, cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi vĩ đại. Người đã để lại bài học lớn: Chủ nghĩa Mác - Lênin là “kim chỉ nam” cho hành động cách mạng nhưng không phải là khuôn mẫu; nếu biến lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin thành “kinh thánh” và công thức sáo mòn thì tức là đã gạt bỏ nó ra khỏi thực tiễn không ngừng biến đổi. Vì thế, người trung thành nhất phải là người sáng tạo nhất.            Như vậy, nghiên cứu lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta thấy rõ con đường Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đã nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin một cách cơ bản, hệ thống. Theo Người: “Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác”[3]. Và trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh không bao giờ “tách mình” ra khỏi C.Mác, Ph.Ăng-ghen và V.I.Lênin để đưa ra các quan điểm riêng, mà như Người nói là "cố gắng vận dụng” tư tưởng của các nhà kinh điển đó, nhưng vận dụng một cách sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam.  Hồ Chí Minh đã dựa chắc vào vấn đề cơ bản triết học để giải quyết mối quan hệ giữa việc nâng cao đời sống vật chất và đời sống tinh thần, giữa phát triển sản xuất với củng cố hệ thống chính trị, tăng trưởng kinh tế với phát triển giáo dục văn hoá và nhiều mối quan hệ khác như mối quan hệ giữa xây dựng đất nước với đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ quốc; kết hợp sức mạnh của dân tộc với thời đại, giữa kháng chiến với kiến quốc. Rõ ràng, khi giải thích hàng loạt các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Hồ Chí Minh đã nói tới triết học, bàn tới triết học và tư tưởng triết học Hồ Chí Minh thể hiện rõ những giá trị nhân văn đặc sắc, tràn đầy tinh thần biện chứng duy vật. Trong đó có sự hoà quyện đến nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, tinh hoa văn hoá, triết học phương Đông, phương Tây và lý luận khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Với tư tưởng “dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Người, chúng ta nhận thấy ở đó có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa phép “biến dịch” của triết học phương Đông và phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lênin.   Thế giới quan Hồ Chí Minh là thế giới quan khoa học. Trong đó, thế giới quan triết học Mác - Lênin đóng vai trò quyết định bản chất khoa học, cách mạng. Thế giới quan của Người còn ảnh hưởng của tư tưởng triết học dân tộc, của tinh hoá văn hoá, triết học phương Đông, phương Tây. Về khuynh hướng tư duy, tư tưởng triết học Hồ Chí Minh đi sâu lý giải các vấn đề xã hội và nhân sinh. Bởi lẽ, xuất phát từ hoài bão lớn lao và mục đích chính trị cao cả là “cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc” nên Người đặc biệt chú trọng xây dựng lý luận về chính trị - xã hội, đạo đức cách mạng nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn hơn là hình thức học thuyết triết học, nhận thức và lôgíc học như các nhà triết học vẫn thường làm.   Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh là sản phẩm của quá trình hoạt động tư duy lý luận và cuộc đời hoạt động cách mạng của Người có vai trò to lớn đối với cách mạng Việt Nam. Chính tư tưởng, quan điểm triết học của Người cùng với triết học Mác -Lênin luôn là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho cách mạng Việt Nam. Chúng ta không thể hiểu rõ bản chất khoa học, cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh nếu như không hiểu cái gì là cốt lõi quy định cách nhìn, cách nghĩ và phương pháp cách mạng cũng như cái gì là trung tâm dẫn dắt đồng bào ta vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh đứng vững trên lập trường duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, đã đi vào thực tiễn xã hội Việt Nam, lấy cái cốt lõi là giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột, bất công, đem lại cuộc sống hoà bình, tự do, ấm no, hạnh phúc cho đồng bào làm mục đích hướng tới, đạt tới. Đây thực chất là những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh đối với việc bảo vệ và phát triển triết học Mác - Lênin trong điều kiện lịch sử mới, nhất là việc phát triển chủ nghĩa duy vật lịch sử.  Trong thế giới quan triết học của Hồ Chí Minh, vấn đề con người chiếm vị trí hết sức quan trọng. Phương pháp tiếp cận và giải quyết vấn đề con người ở Hồ Chí Minh không phải là chung chung, trừu tượng, phi lịch sử như trong triết học nhân bản mà là con người hiện thực, con người lao động “đồng bào tôi”. Trọn đời mình, Người phấn đấu, hy sinh là nhằm mục đích đem lại độc lập, tự do, cơm no, áo ấm cho đồng bào. Chủ nghĩa nhân văn hiện thực cao cả của Hồ Chí Minh thể hiện ở lòng thương yêu con người, tôn trọng, tin tưởng ở nhân dân, coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân.  Có thể khái quát tư tưởng triết học Hồ Chí Minh là sự kết hợp sáng tạo đạt đến sự nhuần nhuyễn giữa tư duy triết học Mác -Lênin mà cốt lõi là tư duy biện chứng duy vật trong sự hoà quyện với tư duy duy triết học và văn hoá phương Đông, phương Tây, tư duy, trí tuệ, văn hoá dân tộc Việt Nam và phong cách Hồ Chí Minh. Nhờ đó, Người đã tìm ra bản chất, quy luật và hình thành nên hệ thống luận điểm về chủ nghĩa thực dân, về cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ...có những quyết định đúng đắn, sáng tạo, đảm bảo cho cách mạng Việt Nam giành thắng lợi. |
| 5. Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? | Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội đã hàm chứa cả một hệ thống tư tưởng về cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng theo con đường cách mạng vô sản. Một số tư tưởng cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.  1. Tư tưởng về vấn đề dân tộc, mối quan hệ dân tộc - giai cấp và cách mạng giải phóng dân tộc. Vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, về thực chất, là vấn đề dân tộc thuộc địa trong thời đại cách mạng vô sản và độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc. Ở đó, có sự kết hợp nhuần nhuyễn lập trường dân tộc với lập trường giai cấp vô sản trong bản chất và tổng thể. Nhưng trong giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc, lợi ích giai cấp thống nhất với lợi ích dân tộc, nhiệm vụ giải phóng giai cấp gắn liền với nhiệm vụ giải phóng dân tộc và do vậy, lợi ích và nhiệm vụ giải phóng giai cấp phải gắn liền với lợi ích và nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Xét đến cùng và trong toàn cục thì cách đặt vấn đề như vậy về dân tộc cũng là vì giai cấp công nhân. Từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp vô sản là bước nhảy vọt căn bản về nhận thức mà Hồ Chí Minh là người đầu tiên thực hiện trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Nhờ giác ngộ giai cấp mà Người hiểu sâu hơn vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, đồng thời càng sâu sắc hơn trong giác ngộ dân tộc, xác định và kiên trì lý tưởng phục vụ lợi ích giai cấp công nhân và dân tộc. Với Người, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản, phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, phải xây dựng được khối đoàn kết toàn dân trên nền tảng của liên minh công nông, phải được tiến hành chủ động, sáng tạo và phải được thực hiện bằng con đường bạo lực cách mạng.  2. Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam, nhiều nhà tư tưởng đã không nhận thức được tính tất yếu và sự cần thiết của việc thay đổi xã hội. Thế hệ các nhà yêu nước mà hai cụ Phan là tiêu biểu đã nhận thức được điều đó, song cái ý thức hệ tư sản mà các cụ tiếp thu đã trở nên lạc hậu ở phương Tây. Hồ Chí Minh không chỉ nhận thức được tính tất yếu và sự cần thiết của việc thay đổi xã hội, mà còn tiếp thu được hệ tư tưởng vô sản làm nền tảng cho việc xây dựng một xã hội mới của dân, do dân, vì dân và mang một nội dung nhân văn sâu sắc. Đó là xã hội xã hội chủ nghĩa, vì theo Người, chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đảm bảo vững chắc cho một nền độc lập thật sự và đưa lại hạnh phúc, tự do thật sự cho nhân dân.   Hồ Chí Minh còn nêu lên cách hiểu của mình về chủ nghĩa xã hội, về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, một cách hiểu thật giản dị, phổ cập, nhưng lại rất sâu sắc và thiết thực: "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giầu nước mạnh"; “chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy", "xây dựng chủ nghĩa xã hội là thay đổi cả xã hội, thay đổi cả thiên nhiên, làm cho xã hội không còn người bóc lột người, không còn đói rét, mọi người đều được ấm no và hạnh phúc"(4). Người còn nêu ra tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội phù hợp với từng đối tượng xã hội, như "việc làm cho mọi người", "ốm đau có thuốc chữa", "già yếu thì được nghỉ", "ai cũng được học hành", "những phong tục tập quán không tốt dần dần được  xóa bỏ",...  Người khẳng định: "Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta”. Do vậy, "không thể làm mau được mà phải làm dần dần"(5). Thực tế lịch sử cách mạng Việt Nam, từ những thập niên đầu thế kỷ XX cho đến nay, đã chứng tỏ sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đó là hoàn toàn đúng đắn.  3. Tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc. Từ nhận thức lý luận và hoạt động thực tiễn trong phong trào giải phóng dân tộc và cách mạng thế giới, Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận: “ Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành  công, đại thành công”. Tư tưởng về đại đoàn kết của Người đã được phát huy cao độ trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, từ trong nội bộ Đảng đến toàn thể dân tộc. Người chỉ rõ: Nếu chỉ đoàn kết trong Đảng thì chưa đủ, mà Đảng còn phải đoàn kết xung quanh mình toàn thể dân tộc thì cách mạng mới thành công. Người chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân mà cốt lõi là liên minh công - nông, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, không phân biệt ai, miễn là người Việt Nam yêu nước, chống đế quốc, tán thành xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Người viết: “Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân..., phải đoàn kết tốt các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng tiến bộ..., phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc..., phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hoà thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc”. Hồ Chí Minh hiểu rõ đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế có quan hệ mật thiết, gắn bó chặt chẽ với nhau.  4. Tư tưởng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và trên lập trường giai cấp vô sản, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố liên minh chiến đấu giữa phong trào công nhân chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa nhằm phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Với Người, “Quan sơn muôn dặm một nhà. Bốn phương vô sản đều là anh em”. Mở rộng khối đại đoàn kết quốc tế trên cơ sở của tình hữu ái vô sản, có lý, có tình, Người đã thực hiện quan điểm thêm bầu bạn, bớt kẻ thù. Theo Người, mở rộng khối đoàn kết là tìm thấy những người bạn quốc tế dân chủ và tiến bộ của dân tộc. Có thể nói, tư tưởng về sự thống nhất giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính của dân tộc với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân đã trở thành một trong những đặc điểm mới của tư tưởng Hồ Chí Minh, bổ sung cho tư tưởng về độc lập dân tộc của Người và đưa tư tưởng ấy lên ngang tầm thời đại.  5. Tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam. Là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xây dựng và rèn luyện Đảng ta thành một đảng cách mạng chân chính, bộ tham mưu sáng suốt và kiên cường của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam. Người khẳng định Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu để lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, là Đảng của giai cấp công nhân cũng đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam. Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác – Lênin “làm cốt” và phải được xây dựng theo những nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người “đầy tớ” thật trung thành của nhân dân và do vậy, Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới về chính trị, tư tưởng và tổ chức để xứng đáng là “Đảng của đạo đức và văn minh”.  6. Tư tưởng về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Theo Hồ Chí Minh, nếu vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền thì vấn đề cơ bản của một chính quyền là ở chỗ, nó thuộc về ai, phục vụ cho quyền lợi của ai. Chính vì vậy mà trên hành trình đi tìm một mô hình nhà nước tiến bộ cho dân tộc sau khi giành được độc lập, Người đã khảo sát những mô hình nhà nước ở các châu lục trên thế giới, vận dụng sáng tạo học thuyết về nhà nước của chủ nghĩa Mác - Lênin và đi đến quyết định lựa chọn mô hình nhà nước dân chủ nhân dân, nhà nước của dân, do dân, vì dân. Trong nhà nước ấy, mọi lợi ích, quyền hạn, lực lượng đều ở nơi dân và có sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc.  7. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đạo đức là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu và xuyên suốt toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh. Người không những đã để lại những tác phẩm lý luận về đạo đức, mà còn là hiện thân mẫu mực của những hành vi đạo đức. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam, những giá trị của tư tưởng đạo đức phương Đông và phương Tây, đặc biệt quan trọng là những tư tưởng đạo đức của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin. Hồ Chí Minh đã thực sự làm một cuộc cách mạng trên lĩnh vực đạo đức ở Việt Nam. Nền đạo đức mới mang bản chất của giai cấp công nhân được gọi là đạo đức cách mạng. Đạo đức là gốc, là nguồn, là nền tảng, bởi người cách mạng phải có cái tâm trong sáng, cái đức cao đẹp. Đức là gốc, nhưng đức và tài phải kết hợp, phải đi đôi với nhau. Điều đó cho thấy, theo Hồ Chí Minh, đạo đức là vấn đề mang tính toàn diện ở mọi con người, biểu hiện tập trung thông qua ba mối quan hệ: đối với mình, đối với người và đối với công việc. Người thường xuyên nhắc nhở chúng ta cần nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.  8. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Với Hồ Chí Minh, “Trên đời ngàn vạn điều cay đắng; Cay đắng chi bằng mất tự do”. Từ nhận thức đó, Người quyết tâm ra đi tìm một hệ tư tưởng mới đủ sức giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội Việt Nam. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh có nguồn gốc từ sự kế thừa một cách sáng tạo những giá trị nhân văn truyền thống, những giá trị nhân văn trong lịch sử nhân loại, đặc biệt là tinh thần khoa học, cách mạng của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản ở các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác – Lênin. Với lòng yêu thương vô hạn và sự cảm thông sâu sắc đối với mọi nỗi đau khổ của con người, Người kiên quyết đấu tranh, tố cáo những tội ác gây ra cho con người và đặt niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh, phẩm giá, vào khát vọng vươn tới Chân, Thiện, Mỹ của con người. Theo Hồ Chí Minh, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Trên cơ sở của niềm tin mãnh liệt vào con người, Hồ Chí Minh nguyện phấn đấu suốt đời cho hạnh phúc của con người trong một xã hội công bằng và coi chiến lược trồng người là chiến lược hàng đầu của cách mạng.  9. Tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh. Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra những phương tiện và công cụ cho sinh hoạt hàng ngày nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống của họ. “Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá”. Chính vì vậy, theo Người, văn hoá có vị trí, vai trò, tính chất và chức năng quan trọng, to lớn trong đời sống xã hội; văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi, phải làm cho ai cũng có lý tưởng độc lập, tự chủ và có ý thức đấu tranh chống tệ nạn tham nhũng, lười biếng, phù hoa xa xỉ. Người chỉ rõ ba lĩnh vực chính của văn hoá là văn hoá giáo dục, văn hoá văn nghệ và văn hoá đời sống. Mỗi lĩnh vực của văn hoá lại có vị trí, chức năng và nhiệm vụ riêng, song việc cải tạo, sửa đổi cái cũ và việc xây dựng, sáng tạo, phát minh cái mới luôn là những vấn đề bức thiết, vấn đề thời sự của cuộc sống. |
| 6. Đặc trưng cơ bản của tư tưởng triết học Hồ Chí Minh là gì? | Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh có một số đặc trưng cơ bản như sau:  Trước hết, tư duy triết học Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính khoa học và tính cách mạng, giữa lập trường, quan điểm và phương pháp nhận thức, hành động. Sự kết hợp này vừa là đặc trưng tư duy triết học Hồ Chí Minh vừa là nguyên tắc của Hồ Chí Minh nhận thứ và hành động. Thể hiện sự nhất quán trong tư tưởng triết học của Người.  Tư duy triết học Hồ Chí Minh là tư duy độc lập, sáng tạo, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, suy nghĩ và hành động, giữa lời nói và việc làm thể hiện sự hoàn chỉnh chu kỳ vận động: từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn hoạt động cách mạng Việt Nam.  Tư duy triết học Hồ Chí Minh được thể hiện bằng ngôn ngữ trong sáng, giản dị, phổ thông, dễ hiểu, dễ xâm nhập vào quần chúng. Có thể coi đây là đặc trưng đặc sắc, độc đáo của tư duy triết học Hồ Chí Minh.  Việc nắm vững thực chất phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác- Lê nin và truyền thống triết học phương Đông, nắm vững ngôn ngữ của quần chúng nhân dân và quan hệ mật thiết với họ đã giúp Người diễn đạt tư tưởng triết học duy vật biện chứng vốn là tư duy khoa học, có hàm lượng trí tuệ cao, có sự trừu tượng hoá và khái quát cao, sâu sắc trở nên phổ thông, dễ hiểu mà vẫn giữ được bản chất khoa học, cách mạng của nó.  Nguyên tắc phương pháp luận cơ bản, xuyên suốt tư tưởng triết học Hồ Chí Minh là xuất phát từ hiện thực khách quan, tôn trọng quy luật khách quan: nắm vững quan điểm thực tiễn và thực hiện đúng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; giải quyết mọi việc phải toàn diện, nhấn mạnh trọng điểm và lấy hiệu quả làm mục đích; xem xét sự việc trong sự phát triển, thực hiện “dĩ bất biến, ứng vạn biến”; giải quyết mọi việc đều vì con người, do con người, tất cả vì hạnh phúc của nhân dân.  Phương pháp luận Hồ Chí Minh là phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Về thực chất, đó là phép biện chứng Hồ Chí Minh, là phương châm xem xét và hành động khoa học được Hồ Chí Minh đúc kết từ sự tiếp thu, kế thừa, vận dụng sáng tạo và bổ sung, phát triển phép biện chứng duy vật mác-xít, kết hợp với kế thừa truyền thống tư duy dân tộc, tư duy triết học phương Đông và thực tiễn giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam.  Khái quát lại, tư tưởng triết học Hồ Chí Minh là hệ thống những quan điểm, quan niệm duy vật biện chứng về con đường cách mạng Việt Nam, thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh. |